

ĐỨC PHẬT VÀ GIÁO PHÁP CỦA NGÀI

TỊNH MINH dịch Việt, 1992

I- THE BUDDHA

-ooOoo-

Lesson 1**Need of Religion**

A bird, if it is to fly, needs two wings. If it possesses but one wing it must remain on the ground and can never experience the joy and happiness of soaring high among the clouds. We also need two wings if we would rise above the ordinary everyday things of life and become great and noble men and women.

The two wings we need may be called the wings of education. One wing being secular education, that is the education which we receive in the public and high school, college and university; the second, religious education, given generally by means of Sunday schools. Without these two wings we can not hope to soar high into the realms of knowledge, but must instead remain like the bird on the ground of life, having little or no spiritual training.

Religious education is just as necessary for us as learning to read and write. It teaches us how to think and act in order to be good and happy men and women. It helps us to understand the meaning of life and to adjust ourselves to its laws.

Religion does not consist, as so many young people seem to think, in church attendance alone; a person need not pull a long face in order to be religious. True religion means living the very best and highest lives, getting the most out of life, which makes a person lighthearted and joyous all the time. This is the sort of religion which the Buddha taught. It is true that we must attend classes for a short time each week in order to study its teachings, but the principal thing is to live them in our daily lives.

I- ĐỨC PHẬT

-ooOoo-

Bài 1:**NHU CẦU TÔN GIÁO**

Một con chim, nếu nó bay được, cần có hai cánh. Nếu chỉ có một cánh thì nó phải ở trên mặt đất và không bao giờ có thể hưởng được nguồn an vui hạnh phúc bay liệng giữa các tầng mây. Chúng ta cũng cần có hai cánh nếu chúng ta muốn vượt lên trên những thứ tầm thường hằng ngày của cuộc đời và trở thành những con người cao quý, vĩ đại.

Hai cánh chúng ta cần có thể gọi là hai cánh giáo dục. Cánh thứ nhất là nền giáo dục thể tục, tức là nền giáo dục chúng ta tiếp thu ở công chúng, ở trung học, cao đẳng và đại học; cánh thứ hai là nền giáo dục tôn giáo, thường được trao truyền qua các lớp học ngày chủ nhật. Không có hai cánh này chúng ta không thể hy vọng vươn cao lên các lãnh vực tri kiến mà phải ì ạch như con chim trên mảnh đất trần thế, được rèn luyện chút ít hay không được gì cả về phương diện tinh thần.

Giáo dục tôn giáo cũng cần thiết cho chúng ta như học đọc và học viết. Nó dạy chúng ta cách suy nghĩ và hành động để trở thành những con người lương thiện và hạnh phúc. Nó giúp chúng ta hiểu rõ ý nghĩa cuộc đời và tự điều chỉnh cho phù hợp với qui luật của nó.

Tôn giáo không chỉ hạn chế trong việc dự lễ nhà thờ như đa số thanh niên lầm tưởng; không cần phải có bộ mặt nghiêm nghị mới là người có đạo. Tôn giáo chân chính là nếp sống tốt đẹp và cao thượng nhất, đạt được cái thâm diệu nhất từ cuộc đời, làm cho tâm hồn người ta lúc nào cũng tươi vui, thanh thản. Đó là loại tôn giáo mà Đức Phật đã thuyết giảng. Thực sự thì chúng ta phải tham dự các lớp học ngắn hạn mỗi tuần để nghiên cứu giáo pháp, nhưng điều

Buddha teaches all his followers to make the best use of life, and gives us the promise that his pathway leads to true happiness in this world and hereafter.

-ooOoo-

chính yếu là phải áp dụng giáo pháp đó vào cuộc sống hằng ngày của mình.

Đức Phật giáo dục tất cả môn đệ của Ngài biết cách sử dụng cuộc đời tốt đẹp nhất, và hứa với chúng ta rằng con đường Ngài đi sẽ dẫn đến hạnh phúc thật sự ở đời này và đời sau.

-ooOoo-

Lesson 1:

attend (v) : tham dự

attendance (n) : sự tham dự

by means of : nhờ sự trợ giúp

consist (v) : gồm có

education (n) : sự giáo dục

follower (n) : đồ chúng, môn đệ

ground (n) : mặt đất

hereafter (n) : kiếp sau

in order to : để

knowledge (n) : kiến thức, tri kiến

lead (v) : dẫn đến

lighthearted (a) : thanh thản, thư thái

make the best use of : tận dụng

possess (v) : có

principal (a) : chính, chủ yếu

promise (n, v) : sự hứa hẹn, hứa hẹn

to pull (a) long face : làm ra vẻ nghiêm nghị, thảm thối

realm (n) : lãnh vực, địa hạt

religion (n) : tôn giáo

religious (a) : về tôn giáo

secular (a) : thế tục

soar (v) : bay vút lên cao

sort (n) : loại

spiritual (a) : thuộc tinh thần

wing (n) : cánh (chim)

Lesson 2

Who was the Buddha.

Who was the Buddha? By first hearing a little about his life we shall get to know him better, then we shall enjoy listening to what he has to tell us.

There are many legends told about the Buddha's birth, but I feel sure that you would rather hear the truth, for you are really too old to be very interested in fairy tales. Legends have always been made up about great people in history, and although many of these legends are very beautiful, I think, in a way they are dangerous, for often ignorant people forget that they are nothing but fairy tales and begin to teach as the truth.

The Buddha was so great that he has no need of legends to make him appear greater; he was the wisest teacher the world has ever seen, and his teachings given to men about 2,500 years ago are still helpful for us today. He did not claim to be a God, nor was he any divine messenger, he clearly tells us that what he did we can do also if we will listen carefully to his

Bài 2:

ĐỨC PHẬT LÀ AI

Đức Phật là ai? Nếu trước tiên biết được đôi chút về cuộc đời của Ngài, chúng ta sẽ hiểu Ngài rõ hơn, và rồi sẽ thích nghe những điều Ngài thuyết giảng.

Có nhiều truyền thuyết về việc đản sanh của Đức Phật, nhưng tôi tin chắc rằng các bạn thích nghe sự thật hơn, vì rằng các bạn thật sự đã trưởng thành, không mấy quan tâm đến những chuyện thần tiên nữa. Truyền thuyết lúc nào cũng được tô điểm cho những con người lịch sử vĩ đại, và mặc dù có nhiều truyền thuyết rất đẹp nhưng tôi nghĩ, ở một khía cạnh nào đó, chúng nguy hiểm, bởi vì hạng người kém cỏi thường quên rằng truyền thuyết chỉ là chuyện thần tiên và họ lại giảng dạy chúng như có thật.

Đức Phật vĩ đại đến nỗi không cần phải có truyền thuyết để tô điểm cho Ngài ra vẻ vĩ đại hơn. Ngài là đấng Đạo Sư thông thái nhất mà thế giới đã từng thấy, giáo pháp của Ngài đã được truyền bá cho nhân loại cách đây khoảng 2.500 năm nhưng ngày nay vẫn còn hữu ích cho chúng ta. Ngài không tự cho mình là

teaching and walk in the pathway he found for us.

His message is for every race of people, and many westerners have found, at his feet, peace and happiness. Many of our brothers and sisters in Europe and America are taking their refuge in the great Teacher who has guided the East for so many centuries.

-ooOoo-

Thượng Đế, Ngài cũng không phải là một sứ giả siêu phàm, Ngài xác minh với chúng ta rằng những gì Ngài làm, chúng ta cũng có thể làm nếu chúng ta cẩn thận lắng nghe giáo pháp của Ngài và đi theo con đường mà Ngài đã khai mở cho chúng ta.

Bức thông điệp của Ngài dành cho mọi chủng tộc, và nhiều người tây phương đã tìm được nguồn an vui hạnh phúc dưới chân Ngài. Nhiều anh chị em chúng ta ở Châu Âu, Châu Mỹ cũng đang nương tựa bậc Đại Sư, Người đã hướng dẫn Đông Phương qua bao thế kỷ.

-ooOoo-

Lesson 2 :

appear (v) : xuất hiện, có vẻ
be interested in : quan tâm đến
century (n) : thế kỷ
claim (v) : cho là, xác nhận
dangerous (a) : nguy hiểm
divine (a) : thần thánh, thiêng liêng
fairy (a) : về thần tiên
guide (v) : hướng dẫn
ignorant (a) : ngu dốt, vô minh
legend (n) : truyền thuyết

message (n) : thông điệp
messenger (n) : sứ giả
pathway (n) : đường mòn
race (n) : chủng tộc, cuộc đua
refuge (n) : nơi nương tựa
take refuge in : nương tựa vào
tale (n) : truyện
too... to : quá... không thể
westerner (n) : người tây phương
wise (a) : khôn ngoan, thông thái

Lesson 3

The Birth of the Buddha.

About 2,500 years ago, in the city of Kapilavatthu, in India, lived a wise and powerful king called Siddhodana. He was much loved and respected by his people because of his kindness and justice. His wife, Queen Maya, was a very beautiful woman, and what was better still, was good and pure.

So far these good people were childless and they only needed a son to complete their perfect happiness.

One day the Queen realized that this greatest wish of theirs would be fulfilled and that in a short time she would become a mother. She told the king the glad tidings and asked to be allowed to return to her parent's home that the child might be born there. Gladly the king granted her request and ordered a number of workmen to prepare the roads, making them

Bài 3:

ĐỨC PHẬT RA ĐỜI

Cách đây khoảng 2.500 năm, tại thành Ca-tỳ-la-vệ (Kapilavatthu) ở Ấn Độ, có một quốc vương sáng suốt, uy dũng gọi là Tịnh-Phạn (Siddhodana). Ngài được nhân dân rất mực yêu quý, kính trọng vì tính nhân ái, công bình của ngài. Vợ ngài, hoàng hậu Ma-da (Maya) là một phụ nữ rất đẹp, và đẹp hơn nữa là tính tình hiền hậu, trong sạch của bà.

Hai vị nhân đức này đến giờ vẫn chưa có con, và họ chỉ cần một đứa con trai để hoàn thiện niềm hạnh phúc tuyệt vời của họ.

Một hôm, hoàng hậu thấy ước nguyện cao quý nhất của họ sắp được thành tựu, và chỉ trong một thời gian ngắn nữa thôi, bà sẽ trở thành một người mẹ. Bà cho quốc vương biết tin mừng và xin được phép về nhà cha mẹ để sinh nở. Quốc vương hoan hỷ chấp thuận lời yêu cầu của bà. Ngài lệnh cho một số công nhân

smooth and even so that the queen might travel with as little fatigue as possible.

The day arrived when the queen set out for her parents' home, the way lay through a wonderful garden called Lumbini, and it was springtime, the flowers and bushes were a mass of lovely blossoms, while birds of every color flitted in and out of the trees and sang in the branches.

Queen Maya, being tired, desired to rest awhile in Lumbini, and there it was that the pains of childbirth came upon her and her little son was born, who afterwards became the Buddha. What better spot could have been chosen for the birth of that great teacher, who so loved all living things? There amid the fragrant blossoms, the gay, happy birds, seemed to sing songs of welcome, the baby prince opened his beautiful eyes. When the servants learned that the child was a boy they hastened back to the palace to carry the welcome news to the king.

QUESTIONS (1)

- 1- What does a bird need in order to fly?
- 2- What are the two wings which we need called?
- 3- What does religious education help us to do?
- 4- Is it wrong to be happy?
- 5- What does true religion mean?
- 6- Has Buddha anything to teach the boys and girls living in America today?
- 7- Why are legends dangerous in religious teaching?
- 8- Was the Buddha a god?
- 9- Is his teaching for Eastern people alone?
- 10- Where was he born?
- 11- What was his father's name?
- 12- His mother's name?
- 13- Tell the story of his birth.

-ooOoo-

Lesson 3 :

allow (v) : cho phép
amid (prep) : ở giữa
be (a) *mass of* : có nhiều
blossom (n) : hoa
bush (n) : bụi cây
childless (a) : không có con
complete (v) : hoàn tất

sửa sang đường xá, làm chúng bằng phẳng để hoàng hậu có thể thoải mái đi qua.

Ngày về nhà cha mẹ đã đến, hoàng hậu lên đường qua một khu vườn tuyệt vời gọi là Lâm-tỳ-ni (Lumbini). Nhắm mùa xuân sang, hoa lá cây kiểng bùng rộ sắc hương, chim chóc đủ màu bay liệng trên cành, hót ca ríu rít.

Cảm thấy hơi mệt, hoàng hậu Ma-da muốn dừng nghỉ chốc lát trong vườn Lâm-tỳ-ni, rồi bà chuyển dạ và hạ sanh được một hài nhi, người mà sau này thành Phật. Còn nơi nào đẹp hơn cho bậc đại sư yêu thương tất cả chúng sanh ra đời? Giữa cảnh hương hoa ngào ngạt, chim chóc nhón nhơ, hót ca vang vọng những khúc nhạc đón mừng thì hoàng tử tí hon mở to đôi mắt tuyệt vời. Được biết hài nhi là một hoàng nam, các thị nữ hồi hả trở về hoàng cung, mang tin mừng cho quốc vương Tịnh-Phạn.

CÂU HỎI (1)

1. Con chim cần gì để bay?
2. Hai cánh mà chúng ta cần được gọi là gì?
3. Giáo dục tôn giáo giúp ta làm gì?
4. Có phải được hạnh phúc là sai lầm không?
5. Thế nào là tôn giáo chân chính?
6. Đức Phật có gì để dạy cho các em nam nữ sống ở Mỹ ngày nay không?
7. Tại sao truyền thuyết thì nguy hiểm trong giáo pháp?
8. Đức Phật có phải là một thần linh không?
9. Có phải giáo pháp của Ngài chỉ dành cho người Phương Đông không?
10. Ngài được hạ sanh ở đâu?
11. Tên của phụ thân ngài là gì?
12. Tên của mẫu thân ngài là gì?
13. Hãy kể chuyện đản sanh của ngài?

-ooOoo-

Lumbini : Lâm-tỳ-ni
order (v) : ra lệnh
pains of childbirth :
palace (n) : cung điện
powerful (a) : uy quyền, hùng mạnh
prince : hoàng tử
pure (a) : trong trắng, tinh khiết

desire (v) : muốn
even (a) : bằng phẳng
fatigue (n) : sự mệt mỏi
flit (v) : bay vút qua
fragrant (a) : thơm ngát
fulfil (v) : thực hiện, hoàn thành
glad (a) : vui mừng
grant (v) : chấp nhận
hasten (v) : vội vã
justice (n) : sự công bằng
kapilavatthu : Ca-tỳ-la-vê
kindness (n) : sự tử tế, sự từ ái

realize (v) : nhận thức
request (n) : lời thỉnh cầu
respect (n, v) : sự tôn kính, tôn kính
servant (n) : thị nữ
set out (v) : khởi sự, bắt đầu
smooth (a) : nhẵn, trơn
so far : cho đến bây giờ
springtime (n) : mùa xuân
Suddhodana : Tịnh phạn
tidings (n) : tin tức
wish (n) : ước nguyện

Lesson 4

Asita's Prophecy

The Prince was taken to the palace where King Suddhodana prepared to celebrate the feast of naming the child. In those days learned men studied a good deal about the stars, for it was believed that these stars had a great influence on men's lives. Whenever a child was born a wise man was called in to foretell the child's future by the position of the stars at the time of his birth.

King Suddhodana, according to this custom, sent for the wisest man in India at that time, a hermit named Asita, who dwelt among the mountains. Asita, when he saw the child, knew that he was destined to become very great, and told the king that two pathways opened before the feet of the prince, he would either become a mighty king, and rule alone and wisely, or else he would leave his palace and become the Supreme Buddha, teacher of men. The wise man chose for the child the name of Siddhartha.

The king was much worried over Asita's prophecy, for he greatly desired that his son should reign over the kingdom after he was gone and become a mighty monarch, but did not like the thought that he might choose instead the other pathway and become the great world teacher. So, in order that his son should not think too much or become serious minded, he surrounded him with every pleasure and amusement, choosing for him only young and happy playmates and keeping carefully away from him all knowledge of sadness and death.

Bài 4

LỜI TIÊN TRI CỦA A-TU-ĐÀ

Hoàng tử được đưa đến hoàng cung, nơi quốc vương Tịnh-Phạn chuẩn bị làm lễ đặt tên cho cậu. Vào những ngày đó, các nhà thông thái nghiên cứu nhiều về các vì sao, vì người ta tin rằng các vì sao đó có ảnh hưởng rất lớn đến đời sống của nhân loại. Khi một em bé ra đời thì một hiền sĩ được mời đến để tiên đoán tương lai của em bé qua vị trí của những vì sao ngay lúc em mới sinh ra.

Quốc vương Tịnh-Phạn, theo tập tục, cũng cho mời vị thông thái nhất ở Ấn Độ lúc bấy giờ, một ẩn sĩ tên là A-tu-đà (Asita), người đã an trú giữa núi rừng. Khi thấy hài nhi, A-tu-đà biết ngay cậu ấy nhưt định sẽ trở nên rất vĩ đại. Ông nói với quốc vương rằng hai con đường sẽ mở ra trước đôi chân của hoàng tử: hoặc là cậu sẽ trở thành một quốc vương uy dũng, sáng suốt và đôn phương trị vì thiên hạ, hoặc là cậu sẽ từ giã hoàng cung, thành Phật tối thượng, bậc đạo sư của nhân thế. Nhà hiền sĩ chọn cho cậu cái tên là Tất-đạt-đa (Siddhartha).

Quốc vương rất lo lắng về lời tiên tri của A-tu-đà, vì ngài rất muốn con trai của ngài phải nối ngôi trị vương quốc sau khi ngài qua đời và trở thành một vị vua uy dũng, chứ không thích cái ý nghĩ rằng hoàng tử có thể chọn con đường khác và trở thành bậc đạo sư vĩ đại trên đời. Vì vậy, để con mình khỏi phải trầm tư suy nghĩ, thao thức đủ điều, ngài bao vây cậu bằng mọi thú vui, giải trí, chọn cho cậu toàn những bạn bè vui vẻ, trẻ trung và cẩn thận giữ cậu xa lánh các ý niệm đau buồn, chết chóc.

Hoàng tử lớn lên với tính nết rất dễ thương mặc dù cậu luôn luôn được cung phụng đủ thứ

The prince grew up to be a very lovely character in spite of the fact that he was always given his own way about things; it seemed as if it was impossible to spoil him. He was kind, truthful, gentle and pure, and yet at the same time he took a keen interest in all kinds of sports and races, and was very skillful at all of them. He was in every way a normal, healthy boy.

-ooOoo-

Lesson 4:

a good deal : nhiều
according to : theo
amusement (n) : sự vui chơi, trò giải trí
Asita : A-tư-đà
celebrate (v) : làm lễ kỷ niệm
character (n) : nhân vật, tính nết
custom (n) : phong tục
destine (v) : dự định
dwel (v) : cư ngụ
either... or : hoặc là... hoặc là
fact (n) : sự kiện
feast (n) : yến tiệc
foretell (v) : tiên đoán
gentle (a) : hiền hòa
grow up (v) : lớn lên
healthy (a) : khỏe mạnh
hermit (n) : ẩn sĩ
in order that : để cho
in spite of : mặc dù
influence (n) : ảnh hưởng
keen (a) : sắc sảo

theo sở thích, và điều đó hình như cũng không thể làm cậu hư hỏng. Cậu từ ái, chân thật, hiền hòa và trong sạch. Cậu cũng rất quan tâm đến các môn thể thao, đua sức, và môn nào cậu cũng điều luyện. Cậu là cậu bé rất bình thường và khỏe mạnh về mọi phương diện.

-ooOoo-

keep away from : tránh xa
kind (a) : từ tế, từ ái
Kingdom (n) : vương quốc
learned (a) : thông thái, uyên bác
mighty (a) : dũng mãnh
minded (a) : trầm tư
monarch (n) : vua, quốc vương
normal (a) : bình thường
playmate (n) : bạn chơi đồng trang lứa
pleasure (n) : lạc thú
prophecy (n) : lời tiên tri
reign (v) : ngự trị, thống trị
rule (v) : cai trị
send for someone : cho mời ai đến
serious (a) : nghiêm trọng
Siddhartha : Tất-đạt-đà
skillful (a) : khéo léo
spoil (v) : làm hỏng
supreme (a) : tối thượng
surround (v) : bao quanh
truthful (a) : chân thật

Lesson 5

The Prince and a Swan.

One day when Siddhartha was playing in the garden with his cousin, Devadatta, a lovely white swan flew over the tree-tops. Devadatta, who was a good deal older than the prince and not so kind-hearted, drew his bow and arrow and shot the beautiful creature in the wing, and it fell to the ground.

Siddhartha rushed forward and picked up the poor frightened creature and gently withdrew the arrow from its bleeding wing. Books tell us that this was the first time that the Prince had come face to face with pain and suffering. Devadatta angrily demanded that Siddhartha

Bài 5

HOÀNG TỬ VÀ CON THIÊN NGÀ

Một hôm Tất-đạt-đà đang chơi trong vườn với người em họ là Đề-bà-đạt-đà (Devadatta) thì có một con thiên nga dễ thương màu trắng bay ngang qua các ngọn cây. Đề-bà-đạt-đà, người lớn tuổi hơn hoàng tử nhiều và không mấy từ ái, giương cung tên bắn trúng cánh con vật xinh đẹp đó và nó rơi xuống đất.

Tất-đạt-đà vội chạy đến bế con vật sợ hãi đáng thương lên và nhẹ nhàng rút mũi tên ra khỏi cánh đâm máu của nó. Sách vở cho chúng ta thấy đây là lần đầu tiên hoàng tử giáp mặt với khổ đau. Đề-bà-đạt-đà tức giận, bắt Tất-đạt-đà trả lại con chim, đòi quyền sở hữu vì chàng đã

give up the bird, claiming ownership because he had shot it. But the Prince refused, saying that it belonged to the person who saved its life. And he gently stroked the bird and then let it fly away.

This little tale of the boyhood of the Buddha gives us all a good lesson in kindness to our weaker brothers and sisters, the birds and animals around. One so often sees boys and girls tormenting some poor dumb creature, thinking nothing of its terror and pain. All of us who are followers of the gentle Buddha should set an example in love and kindness to animals and poor helpless creatures who look to us for care and sympathy.

-ooOoo-

Lesson 5:

arrow (n) : mũi tên
belong to (v) : thuộc về
bleed (v) : chảy máu
bow (n) : cái cung
boyhood (n) : thời niên thiếu
care (n) : sự chăm sóc
claim (v) : đòi, yêu sách
creature (n) : sinh vật
demand (v) : yêu cầu, đòi hỏi
Devadatta : Đề-bà-đạt-đa
draw (v) : kéo, vẽ
dumb (n) : đần, ngờ ngẩn
face to face : mặt đối mặt
frightened (a) : hoảng sợ
give up (v) : từ bỏ, đầu hàng

bắn trúng nó. Hoàng tử từ chối, nói rằng nó thuộc quyền người nào cứu mạng nó. Chàng âu yếm vuốt ve con chim rồi thả nó bay đi.

Câu chuyện nhỏ về thời thơ ấu của Đức Phật này đã cho chúng ta một bài học lý thú về lòng nhân từ đối với anh chị em yếu kém hơn chúng ta, những chim muông và thú vật chung quanh ta. Ai từng thấy trẻ em hành hạ một số sinh vật cầm điểu khôn nạn mà không nghĩ đến cảnh khiếp sợ, đau khổ của chúng. Tất cả chúng ta, môn đồ của Đức Phật hiền từ, phải nêu gương yêu thương nhân ái với những súc vật và sinh vật bơ vơ khôn khổ đang trông chờ sự chăm sóc, thương cảm của chúng ta.

-ooOoo-

helpless (a) : bơ vơ
kind-hearted (a) : hảo tâm
look to someone : trông cậy vào ai
ownership (n) : quyền sở hữu
pain (n) : sự đau đớn
pick up (v) : nhặt lên
refuse (v) : từ chối
set an example : nêu gương
shoot (v) : bắn
stroke (v) : vuốt ve
suffering (n) : sự đau khổ
swan (n) : con thiên nga
sympathy (n) : sự thông cảm
terror (n) : sự kinh hãi
torment (v) : giày vò, hành hạ
withdraw (v) : rút ra

Lesson 6

The Prince Saw the Facts.

When the Prince reached manhood the King decided that it was time he married, for he thought that if the prince had home ties, such as a wife and children, he would not want to leave and become the Buddha, but would instead become the great king.

In the East, in those days, a prince who desired to marry must first prove his bravery and strength. The king accordingly, invited the princes and warriors from many parts of the country to meet the prince in wrestling,

Bài 6:

HOÀNG TỬ CHỨNG KIẾN CÁC SỰ KIỆN

Khi hoàng tử đến tuổi trưởng thành, quốc vương quyết định lập gia đình cho chàng vì ngài nghĩ rằng nếu hoàng tử có những mối ràng buộc gia đình như vợ con thì chàng sẽ không muốn xuất gia thành Phật mà sẽ trở thành đại vương.

Ở Đông Phương, vào những ngày đó, một hoàng tử muốn lấy vợ, trước hết phải chứng tỏ tính can trường dũng mãnh của mình. Do đó, quốc vương mời tất cả thái tử, võ tướng từ

shooting matches, in swimming contests and many other manly sports, and in all of them the Prince came out victorious.

When the games were over the princesses who were present walked before the prince, that he might choose from among them a wife suited to his position. The young maidens walked with downcast faces. They were shy and nervous, and the prince could scarcely get to see whether they were beautiful or not. At the end of the procession walked a lovely young girl, and as she passed the prince she gave him such a roguish smile that at once he fell in love with her and chose her for his bride. Her name was Yoshodhara, daughter of King Koli. Their wedding was celebrated for one whole week, with much rejoicing.

After the prince had been married about one year he asked the king to give him permission to go into the city and see how the people lived beyond the palace gates. The king was worried and he feared that the prince would see things which would make him sad, for many people were poor and sickly and he had tried to keep such things away from his son's eyes. However, he could not refuse and gave orders that the streets should be decorated and that the people should keep a holiday on that day, wearing their brightest and best clothes, so that the prince should only see joy and happiness all around.

Early one morning, three days later the prince set forth to see the city of Kapilavatthu. Flags were flying from all the houses and the streets were decorated with garlands of flowers. Everyone seemed bright and happy, and the people thronged the streets to watch the Prince ride by. They were all dressed in their best clothes and shouted loving greetings to him from every side.

"What a beautiful place this earth is," exclaimed the Prince, "everybody is so happy!"

Just as he said this his glance fell upon an aged man standing at the side of the road. The old man's eyes were sunken and watery, his limbs were shaking and he could scarcely stand.

"Why is he shaking like that, what makes him look so strange?" asked Siddhartha.

khắp nơi trong nước đến gặp hoàng tử trong các cuộc đô vật, bắn cung, bơi lội và các môn thể thao mạnh bạo khác, môn nào hoàng tử cũng thắng cả.

Khi cuộc so tài kết thúc, các công chúa hiện diện bước ra trước mặt hoàng tử để chàng chọn người làm vợ, phù hợp với vị thế của chàng. Các thiếu nữ đều cúi mặt bước ra. Họ e thẹn và xúc động. Hoàng tử khó có thể xác định vẻ đẹp của họ. Cuối cuộc trình diễn, một thiếu nữ xinh xắn đi qua trước mặt hoàng tử và tặng chàng một nụ cười kín đáo đến độ chàng yêu nàng và chọn nàng làm vợ ngay. Tên nàng là Da-du-đa-la (Yoshodhara), ái nữ của vua Thiện-giác (Koli). Hôn lễ của họ được tổ chức cả tuần với biết bao hân hoan vui thú.

Sau khi hoàng tử kết hôn khoảng được một năm, chàng xin phép quốc vương ra phố xem cảnh sinh hoạt của dân chúng bên kia cổng tường hoàng cung. Quốc vương lo sợ hoàng tử chứng kiến bao cảnh thảm sầu, Ngài đã cố gắng che dấu, không để những người nghèo khổ tật bệnh vất vưởng trước mặt con mình. Tuy nhiên, ngài không thể từ chối. Ngài ra lệnh đường sá phải được trang hoàng long lẫy, dân chúng phải nghỉ việc và ăn mặc y phục sang trọng rực rỡ như ngày hôm đó để hoàng tử đâu đâu cũng chỉ thấy cảnh hân hoan, hạnh phúc.

Ba hôm sau, vào một buổi sớm mai, hoàng tử lên đường xem thành Ca-tỳ-la-vệ. Cờ phướn tung bay mọi nhà, đường phố giăng đầy hoa lá, người nào cũng lộ vẻ tươi vui, hạnh phúc, dân chúng tụ tập trên các phố phường để xem hoàng tử cỡi ngựa đi qua. Họ mặc quần áo xinh đẹp nhất và cất lời thân thương chào chàng từ khắp mọi phía.

"Trái đất này là nơi đẹp để biết bao!" Hoàng tử tán thán: "Ai ai cũng vui vẻ hạnh phúc".

Vừa nói xong là chàng thấy ngay một cụ già đang đứng bên lề đường. Hai mắt sâu hoắm, chèm nhèm, tay chân run rẩy, lão khó mà đứng vững được.

"Tại sao người ấy run thế? Sao trông kỳ cục thế?" Tất-đạt-đa hỏi.

"Đó là một người già" thị vệ đáp "Ai sống lâu rồi cũng như thế cả". Hoàng tử không nói gì nhưng khuôn mặt hiện lên nét đăm chiêu, buồn chán.

"That is an old man," answered the attendant. "All who live long enough become like that." The Prince said nothing, but his face grew sad and wistful.

They rode on for some time in silence when suddenly a young man by the side of the road threw up his hand with a loud cry and fell upon his face on the ground. The people around rushed to his aid and helped to raise him up.

"Oh!" exclaimed the prince, "what is the matter with him?"

"He has been taken ill," the people answered.

On they rode again, returning to the palace by a new way. Down a sidestreet, came a strange procession men bearing a stretcher and women walking behind and wailing. "Whatever are they doing?" asked the prince.

"It is a funeral," answered Channa, the attendant; "the young man upon the stretcher is dead and they are taking his body to be burned."

The Prince could bear no more and rode swiftly to the palace. But coming to the gates he stopped, for there by the roadside sat a monk, barefooted, dressed in a long robe, a begging bowl in his hand.

"Why do you beg for by the roadside?" asked the prince, "and why do you dress in such a fashion?"

"I have renounced the joys of earth," answered the monk, "I am seeking for a way of salvation, a way of escape from the sufferings of life, for peace can only be found by giving up the world."

When the Prince heard the words of the monk, he knew in his heart that he too must wander homeless and lonely, until he found the answer to all pain and sorrow; until he found a way by which these sufferings should cease for all time.

As he entered the gates of the palace a servant met him with the glad news that a son had been born to him. This, however, only made the Prince more unhappy, for he knew that it

Họ tiếp tục im lặng lên ngựa được một lúc thì bỗng dưng có một thanh niên bên lề đường đành chịu úp mặt xuống đất khóc than thê thảm. Những người chung quanh vội đến đỡ hắn đứng lên.

"Ồ", hoàng tử cất tiếng hỏi "Câu ấy làm sao thế?"

"Câu ấy bị bệnh" dân chúng đáp.

Họ lại tiếp tục lên ngựa trở về hoàng cung bằng một lộ trình mới. Nhưng bên kia đường lại hiện ra đám rước kỳ lạ, các ông khiêng một cái cáng, các bà theo sau than khóc. "Họ đang làm gì thế?" hoàng tử hỏi.

"Đó là một đám ma" Xa-nặc (Channa), người thị vệ đáp. "Câu thanh niên trên chiếc cáng kia chết rồi, họ đang đem thi thể của hắn đi thiêu đốt".

Không chịu được nữa, hoàng tử hỏi hạ lên ngựa quay về hoàng cung. Nhưng đến cổng thành chàng dừng lại, chàng bắt gặp một tu sĩ đi chân đất, vận y vàng, tay bê bình bát, ngồi bên vệ đường.

"Tại sao anh xin ăn bên vệ đường?" Hoàng tử hỏi "Và tại sao anh mặc đồ như thế?"

"Tôi đã từ bỏ bỏ lạc thú trần gian" vị tu sĩ đáp. "Tôi đang tìm đường giải thoát, con đường thoát khỏi mọi khổ đau của cuộc đời, bởi vì an lạc chỉ có thể tìm thấy được bằng cách từ bỏ thế gian".

Khi hoàng tử nghe qua những lời của vị tăng sĩ, chàng thấy từ thâm tâm rằng mình cũng phải cô thân chích bóng, không cửa không nhà, nay đây mai đó cho đến khi tìm được lời giải đáp cho mọi khổ đau, cho đến lúc tìm ra được con đường dứt trừ đau khổ.

Khi chàng vào cổng hoàng cung, một thị nữ đón chàng với tin mừng là công chúa đã sanh cho chàng một bé trai. Tuy nhiên, việc này chỉ làm cho hoàng tử buồn hơn, vì chàng thấy bây giờ từ già gia đình và những người thân thương sẽ khó khăn hơn nhiều.

would be much harder now to leave his home and loved ones.

-ooOoo-

Lesson 6:

accordingly (adv) : do đó
attendant (n) : thị vệ, thị giả
barefooted (a) : chân không
be dressed in : mặc đồ
be over : kết thúc
bear (v) : khiêng, chịu đựng
beg (v) : ăn xin, khất thực
begging bowl : bình bát
bowl (n) : chén, tô, bát
bravery (n) : tính can đảm
bride (n) : cô dâu
bright (a) : tươi vui
burn (v) : đốt, thiêu
cease (v) : chấm dứt
channa : xa-nặc
come out (v) : thắng lợi
contest (n) : trận đấu, cuộc thi
decorate (v) : trang hoàng
downcast (a) : cúi xuống, nhìn xuống
escape (n,v) : sự trốn thoát, trốn thoát
exclaim (v) : kêu lên, la lên
fall in love with someone : yêu ai
fashion (n) : một, thời trang
fear (v) : lo sợ
flag (n) : cờ
funeral (n) : đám tang
garland (n) : vòng hoa
glance (n, v) : cái liếc, liếc nhìn
greeting (n) : lời chào hỏi
homeless (a) : không cửa không nhà
Koli : Thiện-giác
limbs (n) : tứ chi
lonely (a) : cô đơn, cô độc
maiden (n) : thiếu nữ
manhood (n) : tuổi trưởng thành
match (n) : cuộc thi đấu

monk (n) : tu sĩ, tăng sĩ
nervous (a) : hồi hộp, xúc động
order (n) : mệnh lệnh
permission (n) : sự cho phép
position (n) : vị trí
princess (n) : công chúa
procession (n) : cuộc diễu hành
prove (v) : chứng tỏ
rejoicing (n) : sự vui mừng
renounce (v) : từ bỏ
roadside (n) : lề đường
roguish (a) : tinh nghịch
salvation (n) : sự giải thoát
scarcely (adv) : hầu như không
seek for (v) : tìm kiếm
set for (v) : lên đường
shake (v) : lay động
shy (a) : e thẹn
strange (a) : kỳ lạ
stretcher (n) : cái cang
such that : đến nỗi
suit (v) : thích hợp
sunken (a) : lõm lõp
swiftly (adv) : nhanh chóng
throng (v) : tụ tập
tie (n) : mối ràng buộc
victorious (a) : chiến thắng
wail (v) : than khóc
wander (v) : đi lang thang, vân du
warrior (n) : võ sĩ, võ tướng
watery (a) : đẫm nước, chèm nhèm
wedding (n) : đám cưới
wistful (a) : đăm chiêu
wrestle (v) : đánh vật
Yoshodhara : Da-du-đà-la

Lesson 7

The Great Renunciation.

At midnight, while all in the palace were sleeping, Siddhartha arose softly so as to awaken no one and crept gently to the room where his wife, Yoshodhara, lay sleeping with his baby son. Pulling aside the curtains of the bed, he gazed upon the faces of those two

Bài 7

CUỘC GIÃ TỪ VĨ ĐẠI

Vào lúc nửa đêm, trong khi mọi người ở hoàng cung đang ngủ, Tất-đạt-đa nhẹ nhàng trở dậy để khỏi đánh thức một ai, và rón rén đến phòng vợ mình là Da-du-đà-la đang nằm ngủ với đứa con trai thơ ấu. Đưa tay vén tấm màn che giường, chàng chăm chú nhìn mặt vợ con yêu

whom he so loved, then quietly left the room without waking them. Tears fell from his eyes for he knew that many years must pass before he would see them again.

He passed out of the palace into the courtyard, where Channa, his faithful servant, awaited him with his horse, Kanthaka, already saddled. Together they rode out into the sleeping city and along the road leading towards the forest. After several hours riding they reached the river Anoma, where the Prince dismounted and cut off his hair with his sword. Then taking off his princely robes and jewels he handed them to Channa, telling him to return to the palace with his horse and give them to his father, informing him that his son had made up his mind to seek for the way of deliverance. Channa turned back, leading the beautiful horse, and the Prince went alone into the dark forest.

QUESTIONS (2)

- 1- What did the ancient people believe about the stars?
- 2- Whom did the king send for?
- 3- What did Asita foretell?
- 4- Was the Prince a manly boy?
- 5- Tell the story of the swan.
- 6- What does this story teach us?
- 7- When a Prince desired to marry what must he first do?
- 8- Whom did the prince choose for his wife?
- 9- What request did the prince one day make of his father?
- 10- Tell the four things which the Prince saw on his journey through the city.
- 11- What did the Prince do at midnight?

-ooOoo-

Lesson 7:

arise (v) : trở dậy, nảy sinh
await (v) : chờ đợi
awake (v) : đánh thức
courtyard (n) : sân nhỏ, sân trong
creep (v) : bò, trườn
curtain (n) : màn cửa
deliverance (n) : sự giải thoát
dismount (v) : xuống (ngựa, xe)
faithful (a) : trung thành, chung thủy

quí rồi lặng lẽ rời khỏi phòng không một tiếng động. Mắt chàng rơi lệ, vì biết là phải qua nhiều năm tháng chàng mới gặp lại họ.

Chàng rời khỏi cung thất, ra đến sân sau, nơi Xa-nặc, người thị vệ trung thành, đang đợi chàng với con tuấn mã Kiên-trắc (Kanthaka) đã thắt sẵn yên cương. Họ cùng nhau lên ngựa ra ngoài kinh thành đang ngủ và chạy dọc theo một con đường nhỏ dẫn đến cánh rừng. Sau nhiều giờ lặn lội, họ đã tới dòng sông A-nô-ma (Anoma). Chàng xuống ngựa, đưa gươm cắt tiện mái tóc, đoạn cởi áo hoàng tử và các thứ châu báu trao cho Xa-nặc, bảo hắn đưa ngựa về hoàng cung và trao các thứ đó lại cho phụ hoàng, báo cho ngài biết rằng hoàng tử đã quyết định tìm đường giải thoát. Xa-nặc dẫn con tuấn mã quay về, hoàng tử một mình đi vào rừng sâu.

CÂU HỎI (2)

1. Người xưa tin thế nào về các vì sao?
2. Quốc vương cho mời ai đến?
3. A-tư-đa tiên đoán những gì?
4. Hoàng tử đã thành nhân rồi phải không?
5. Hãy kể chuyện con thiên nga.
6. Chuyện này dạy ta những gì?
7. Khi một Hoàng tử muốn kết hôn, chàng phải làm gì trước nhất?
8. Hoàng tử đã chọn ai làm vợ?
9. Một hôm Hoàng tử yêu cầu phụ hoàng những gì?
10. Hãy kể bốn sự kiện mà Hoàng tử đã chứng kiến trong cuộc du ngoạn qua thành phố.
11. Hoàng tử làm gì vào lúc nửa đêm?

-ooOoo-

Kanthaka : Kiên-trắc
make up one's mind : quyết định
princely (a) : thuộc hoàng tử, sang trọng
renunciation (n) : sự từ bỏ, sự giã từ
robe (n) : áo choàng (chỉ chức vị)
saddle (v) : thắt yên ngựa
servant (n) : người đầy tớ, người giúp việc
so as (to) : để làm việc gì
softly (adv) : nhẹ nhàng

foretell (v) : tiên đoán

gaze upon someone (v) : nhìn chăm chăm ai

hand (v) : trao tay

inform (v) : báo tin, cho biết

jewel (v) : ngọc ngà, đồ châu báu

sword (n) : gươm, kiếm

take off (v) : cởi ra

tear (n) : nước mắt

wake (v) : đánh thức, tỉnh dậy

Lesson 8

The Wandering Ascetic.

During the long night the Prince journeyed on through the lonely forest, and at sunrise he came to the city of Rajagriha.

The guards were opening the gates and the Prince entered them and walked slowly through the streets of the city. The people knew that he was a stranger and they saw that in some way or other he was different to most of those who visited the city. His noble bearing, his grave, gentle manner and his kind face proclaimed him to be a man worthy of trust and respect, a great sage and teacher.

Many followed him, wondering where he was going and some of the servants of the palace went to King Bimbisara, the monarch of the Rajagriha, and told him of the stranger. He put on his royal robes and went out to meet him.

"O noble visitor!" said the king, "whence have you come and whither are you going, for I can easily see that you are of royal blood and also a great sage?"

"Sire, I am Siddhartha, son of King Suddhodana," answered the Prince, "and I have vowed to wander homeless until I find the way of deliverance from sorrow and misery, not for myself alone but for all living beings".

"Stay instead with me", begged the king, "for I have no son and desire an heir with whom to share my kingdom".

"Riches and power I have renounced", replied the Prince, with a smile; "from the prison of pleasures I have escaped. Shall the captive bird return of his own free will to the cage from which he has escaped?"

"Go forth, my lord, and I will not tempt you away from your noble task! But when you have found the truth, come here once more and teach it to me", said Bimbisara. The Prince

Bài 8

THẦY DU SĨ

Hoàng tử đi qua cánh rừng hiu quạnh suốt đêm cho đến tảng sáng thì chàng tới thành phố Vương xá (Rajagriha).

Vệ binh mở cổng, hoàng tử bước vào và từ từ đi qua các đường phố trong thành. Dân chúng biết chàng là khách lạ. Họ thấy chàng có đôi nét khác biệt với phần lớn du khách viếng thành trước kia: phong thái cao sang, tính khí can trường, thái độ hòa nhã và khuôn mặt hiền từ của chàng đã cho thấy chàng là một hiền giả cao quý, một đạo sư vĩ đại, đáng được tin yêu kính trọng.

Nhiều người đi theo chàng, thắc mắc không biết chàng đi đâu, một số quan thần của hoàng triều đến gặp vua Tần-bà-sa-la (Bimbisara), quốc vương của thành Vương xá, báo cho ngài biết về người lạ mặt. Ngài mặc vương phục và ra gặp chàng.

"Thưa du khách cao quý!" quốc vương nói. "Ngài từ đâu tới? Ngài sẽ đi đâu? Ta có thể dễ dàng thấy rằng ngài thuộc dòng hoàng tộc, và cũng là một hiền giả vĩ đại".

"Tâu bệ hạ, tôi là Tất-đạt-đa, con trai của quốc vương Tịnh-Phan" Hoàng tử đáp, "tôi đã nguyện ra đi không cửa không nhà cho đến khi tìm ra con đường giải thoát khổ đau, không những chỉ cho tôi mà cho tất cả chúng sanh nữa".

"Hãy ở lại đây với trẫm", quốc vương van xin. "Trẫm không có con trai, trẫm muốn có người thừa kế để truyền lại vương quốc này".

"Tôi đã từ bỏ giàu sang, quyền lực", Hoàng tử tươi cười đáp; "tôi đã thoát khỏi ngục tù lạc thú. Con chim đã sổ lồng mà lại tự nguyện trở về lồng nư sao?"

"Hãy cứ đi, thưa ngài. Trẫm sẽ không dám quyền rũ ngài từ bỏ nghĩa vụ cao cả của ngài! Nhưng khi ngài tìm ra sự thật, xin ngài hoan hỷ

promised and set out once more upon his journey.

As Siddhartha was wondering which of the many paths to take he caught sight of two learned Brahmins (Hindu priests) busily reading the sacred scriptures (Holy Books) and discussing the meaning of what they read.

"These must be very wise men", thought the Prince. "I will go and talk to them, perhaps they can help me in my search for the Truth".

So he went over to them and sat for many weeks listening to what they were saying. But he found that he was no nearer to the goal he sought, for they spent most of the time in long arguments which only led to anger and bad feelings.

Finally he left them, and as he was walking down one of the shady paths he came upon a temple; the door stood open and Siddhartha entered, hoping that he might learn the truth within.

Many priests robed in long gowns stood before an altar, on which lay a dying animal, its eyes filled with agony. The hands of the priests were covered with blood and the floor beneath the altar was stained crimson.

"How can you be so cruel?" cried the Prince, his tender heart almost broken to see such suffering.

"We are sacrificing to the gods so that they will forgive the sins of the people", answered the Head Priest, "the gods can only be pleased by the shedding of blood".

"Gods who are good would not require the death of innocent animals; I cannot believe such wrong teaching", cried the Prince, and went quickly out of that dreadful place, for he knew that the Truth could never be found there.

After many weeks of wandering he came upon five priests, who lead very strict and holy lives. These men believed that the Truth could be found by torturing their bodies and by starving and cutting themselves with sharp knives.

Siddhartha joined them, and starved and treated his body with such cruelty that he

trở lại đây truyền dạy cho trăm", Tàn Bà Sa La nói. Hoàng tử hứa hẹn và tiếp tục lên đường.

Tất-đạt-đa đang thắc mắc không biết phải đi theo lộ trình nào mới gặp được hai nhà bác học Bà-la-môn (hai đạo sĩ Ấn giáo) đang miệt mài đọc tụng thánh điển (Thánh Thư) và thảo luận ý nghĩa của chúng.

"Họ phải là những người rất mực thông thái", Hoàng tử suy nghĩ. "Ta sẽ đi hầu chuyện với họ, may ra họ có thể giúp ta tìm ra sự thật".

Chàng đến gặp họ và ngồi nghe họ thuyết giảng trong nhiều tuần, nhưng chàng thấy chẳng tiến gần chút nào đến mục tiêu mà chàng tìm kiếm. Họ chỉ phí phạm thời giờ trong các cuộc tranh cãi dai dẳng với nội dung dẫn đến sân hận và ác tâm.

Cuối cùng chàng từ bỏ họ. Chàng men xuống một con đường râm mát rồi bước lên một ngôi đền, cửa đền để mở, Tất-đạt-đa bước vào với hy vọng có thể thấy được sự thật trong đó.

Nhiều giáo sĩ mặc áo chùng đứng trước bàn hương án, trên đó có một con vật đang hấp hối với đôi mắt quằn quại đau thương. Giáo sĩ nào tay cũng dính đầy máu, và, trên sàn nhà, phía dưới bàn hương án, đọng lại một vũng máu tím bầm.

"Sao các ông tàn nhẫn thế?" Hoàng tử hét lên, con tim nhạy cảm của chàng dường như bị vỡ tung khi thấy cảnh đau đớn như thế.

"Chúng tôi đang tế thần để các ngài ấy sẽ xá tội cho nhân dân". Vị Giáo trưởng đáp. "Thần linh chỉ có thể hài lòng bằng hình thức đổ máu".

"Thần linh hiền thiện sẽ không cần đến cái chết của những súc vật vô tội, ta không thể tin được những lời phi lý như vậy". Hoàng tử lớn tiếng nói và nhanh chóng ra khỏi nơi khủng khiếp ấy. Chàng biết sự thật không bao giờ có thể tìm thấy được ở đó.

Sau nhiều tuần lang thang tìm kiếm, chàng gặp được năm đạo sĩ có nếp sống khô hạnh và thánh thiện. Những người này tin rằng sự thật có thể tìm thấy bằng lối hành hạ xác thân, chịu đựng đói khát và dùng dao bén cắt xẻ thân mình.

almost died of weakness and pain. Although he lived there for six years, growing every day weaker, he was no near to the goal he sought, and at length he decided to leave those priests and look elsewhere.

As he was lying in a fainting condition by the side of the stream, too weak to even lean over and quench his thirst, a young girl appeared and offered him a drink of milk, which revived him so that he was able to get up and walk. He bade good-bye to the five men, but they were angry because he was leaving them and rudely turned their backs. Siddhartha walked sadly away, for he was very fond of these poor priests and hated to think of them wasting their time in such needless agony.

-ooOoo-

Lesson 8:

agony (n) : sự đau đớn, sự quằn quại

altar : bàn thờ, án thờ

anger (n) : sự sân hận, tức giận

argument (n) : sự tranh luận

be covered with : dính đầy, phủ đầy

be filled with : đầy ắp

be fond of : thích

be of : có

bearing (n) : phong thái

beg (v) : van xin

beneath (prep) : ở dưới

bid goodbye to : chào tạm biệt

Bimbisara : Tần-bà-sa-la

blood (n) : máu

brahmin (n) : đạo sĩ bà-la-môn

cage (n) : cái lồng

captive (a) : bị bắt giam

catch sight : trông thấy

crimson (n) : màu đỏ thẫm

cruel (a) : tàn ác

desire (n) : sự khao khát

die of (v) : chết vì

discuss (v) : thảo luận

dreadful (a) : dễ sợ, khủng khiếp

dying (a) : hấp hối

faint (v) : ngất xỉu

forgive (v) : tha thứ, hỷ xả cho

goal (n) : mục tiêu, mục đích

god (n) : thần linh

gown (n) : áo lễ

Tất-đạt-đa gia nhập theo họ. Chàng cũng nhin đói nhin khát, hành hạ thân thể tàn bạo đến độ suýt chết vì kiệt sức và đau đớn. Mặc dù sống ở đó được sáu năm, mỗi ngày một yếu dần, nhưng chàng thấy chẳng tiến gần tí nào đến mục tiêu mà chàng tìm kiếm. Cuối cùng chàng quyết định từ giã các đạo sĩ đó và nhắm đến nơi khác.

Trong khi chàng nằm ngất xỉu bên một dòng sông, yếu đến nỗi không gượng dậy nổi để lấy nước uống, thì có một thiếu nữ xuất hiện, dâng sữa cho chàng. Uống sữa xong chàng tỉnh lại và có thể đứng lên đi được. Chàng ngỡ lời tạm biệt năm người, nhưng họ lấy làm tức giận vì chàng đang bỏ họ và họ quay lưng một cách thô bạo. Tất-đạt-đa buồn bã ra đi, chàng rất mến các đạo sĩ đáng thương kia, nhưng lại ghét lỗi lằng phí thời giờ vào cách ép xác vô ích như vậy.

-ooOoo-

misery (n) : cảnh khốn khổ

noble (n) : quý tộc, quý phái

once more : một lần nữa

power (n) : quyền lực

priest (n) : thầy tu

prison (n) : nhà tù

proclaim (v) : công bố, tuyên bố

quench (v) : dập tắt

Rajagriha : Vương-xá

require (v) : đòi hỏi, yêu cầu

revive (v) : làm sống lại, làm tỉnh lại

riches (n) : của cải

royal (a) : thuộc hoàng triều

rudely (adv) : một cách thô lỗ

sacred (a) : về thánh thần

sacrifice (v) : hy sinh, cúng tế

sage (n) : nhà hiền triết

scripture (n) : kinh điển

set out (v) : lên đường

shady (a) : có bóng mát, râm mát

share (v) : san sẻ, chia sẻ

sharp (a) : bén nhọn

shedding (n) : sự đổ máu

sin (n) : tội lỗi

sorrow (n) : sự buồn phiền, sự đau khổ

stain (v) : làm bẩn, làm nhớp

starve (v) : chết đói, bất nhịn đói

stranger : người lạ mặt

stream (n) : dòng suối

grave (a) : nghiêm trang
grow (v) : trở nên, nảy nở
guard (n) : vệ binh
heir (n) : người thừa kế
hindu (a) : thuộc Ấn giáo
holy (a) : thánh thiện
in search for : để tìm kiếm
innocent (a) : ngây thơ, vô tội
instead (adv) : thay vì, đáng lẽ
journey (v,n) : làm cuộc hành trình, cuộc hành trình
lean (v) : dựa, tựa
living beings : chúng sanh
manner (n) : thái độ, cử chỉ

sunrise (n) : bình minh
temple (n) : đền, miếu, chùa
tempt (v) : xúi giục, cám dỗ
thirst (n) : sự khát nước
torture (v) : tra tấn, hành hạ
treat (v) : đối xử
trust (n) : sự tín nhiệm
turn one's back : quay lưng lại
vow (v, (n)) : thề, lời thệ nguyện
waste (v, (n)) : hoang phí, sự hoang phí
weakness (n) : sự suy nhược
whence (adv) : từ đâu
whither (adv) : tới đâu
wonder (v) : tự hỏi
worthy (a) : xứng đáng

[Đầu trang](#) | [01](#) | [02](#) | [03](#) | [04](#) | [05](#) | [06](#) | [Mục lục](#)

Chân thành cảm ơn Đại đức Giác Đồng đã gửi tặng phiên bản vi tính
(Binh Anson, tháng 9-2001)

[\[Trở về trang Thư Mục\]](#)

updated: 01-09-2001